

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN - KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1694/2020/QĐ-TGD ngày 16/4/2020 của Tổng Giám Đốc)

A. Điều khoản áp dụng

1. Mức phí quy định chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và được tính bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tùy thuộc nghiệp vụ phát sinh. Trường hợp phí dịch vụ tính bằng ngoại tệ, Khách hàng có thể thanh toán bằng tiền Việt Nam theo tỷ giá bán ngoại tệ của BAOVIET Bank được niêm yết tại thời điểm thu phí. Đồng tiền Đô-la Mỹ (USD) được quy định trong Biểu phí là ngoại tệ cơ sở để tính toán mức phí khi phát sinh bằng các ngoại tệ khác.
2. Biểu phí này áp dụng đối với Khách hàng Tổ chức giao dịch thanh toán tại BAOVIET Bank. Đối với các khoản phí phải trả cho bên thứ ba tham gia vào dịch vụ theo yêu cầu của Khách hàng sẽ được thu thêm theo thực tế phát sinh.
3. Phí dịch vụ được tính theo tỷ lệ % của giá trị từng lần giao dịch hoặc theo mức phí cố định cho mỗi lần giao dịch. Khách hàng thanh toán phí dịch vụ tại nơi phát sinh giao dịch với BAOVIET Bank.
4. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay khi phát sinh hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc toàn bộ dịch vụ tùy theo tính chất của loại dịch vụ đó.
5. Việc phân định giá trị thấp và giá trị cao như sau: (i) Giá trị thấp là các lệnh dưới 500.000.000 VND và Khách hàng không yêu cầu chuyển Giá trị cao (ii) Giá trị cao là các lệnh từ 500.000.000 VND trở lên, hoặc các lệnh dưới 500.000.000 VND nhưng Khách hàng yêu cầu chuyển Giá trị cao.
6. Việc phân định cùng, khác tỉnh/TP căn cứ như sau: (i) Giao dịch được coi là cùng tỉnh/TP khi Chi nhánh thực hiện lệnh, Chi nhánh mở tài khoản và Ngân hàng người hưởng nằm trên cùng địa bàn tỉnh/TP; (ii) Các trường hợp khác được coi là giao dịch khác tỉnh/TP.
7. BAOVIET Bank không thu phí với các khoản thanh toán trực tiếp giữa Khách hàng với BAOVIET Bank để trả nợ vay, trả lãi, trả phí dịch vụ, trả tiền mua giấy tờ in hoặc các phương tiện thanh toán.
8. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định Quản lý Ngoại hối hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.
9. BAOVIET Bank không hoàn trả lại phí đã thu trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch sau khi BAOVIET Bank đã thực hiện hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của BAOVIET Bank gây ra.
10. Biểu phí này được áp dụng kể từ ngày 17/4/2020 và được thay đổi không cần thông báo trước.

B. Mức phí áp dụng

B.1 DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC					
STT	DỊCH VỤ	BIỂU PHÍ CHƯA BAO GỒM VAT			
		CODE PHÍ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
I CHUYỂN TIỀN ĐI					
1 Chuyển tiền đi bằng VND					
1.1 Chuyển tiền trong hệ thống BAOVIET Bank					
1.1.1	Trích tài khoản chuyển cho người thụ hưởng có tài khoản tại BVB (tài khoản- tài khoản)				
1.1.1.1	Chuyển cho tài khoản cùng tỉnh/thành phố	GDCT03001DN	Miễn phí		
1.1.1.2	Chuyển cho tài khoản khác tỉnh/thành phố	GDCT03002DN	0,005%	10.000VND	300.000 VND
1.1.2	Trích tài khoản chuyển cho người nhận tiền bằng CMT, hộ chiếu... (tài khoản - tiền mặt)	GDCT03003DN	10.000 VND/món		
1.1.3	Nộp tiền mặt vào tài khoản (tiền mặt - tài khoản)				
1.1.3.1	Nộp tiền mặt cùng Tỉnh/TP nơi mở TK	GDTK01005DN	Miễn phí		
1.1.3.2	Nộp tiền mặt khác Tỉnh/TP nơi mở TK	GDTK01006DN	0,03%	10.000VND	1.000.000 VND
1.1.4	Nộp tiền mặt chuyển cho người nhận tiền bằng CMT, hộ chiếu... (tiền mặt - tiền mặt)	GDCT03004DN	0,03%	20.000 VND	1.000.000 VND
1.2 Chuyển tiền đi khác hệ thống BAOVIET Bank					
1.2.1	Khách hàng trích tài khoản chuyển đi (trường hợp KH chuyển khoản sau 3 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào TK)				
1.2.1.1	Giá trị thấp (các món dưới 500 triệu đồng và không thuộc trường hợp Giá trị cao dưới đây)	GDCT03005DN	13.000 VND/món		
1.2.1.2	Giá trị cao				
a	Trước 15h15p (các món từ 500 triệu đồng trở lên hoặc các món Khách hàng yêu cầu chuyển Giá trị cao)	GDCT03006DN	0,015%	18.000 VND	550.000 VND
b	Sau 15h15p	GDCT03007DN	0,03%	18.000 VND	550.000 VND
1.2.2	Khách hàng trích tài khoản chuyển đi (trường hợp KH chuyển khoản trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào TK)	GDCT03008DN	Áp dụng phí chuyển tiền tương tự mục A/1.2.1+ phí nộp tiền mặt cho số tiền nộp chưa đủ 3 ngày làm việc được chuyển khoản đi, mức phí: 0.01%, Tối thiểu 10.000 VND, Tối đa 1.000.000 VND		

			(Trường hợp Tổ chức nộp tiền vào TK, sau đó chuyển khoản sang tài khoản khác của chính Tổ chức đó để chuyển đi, ngoài phí chuyển tiền vẫn thực hiện thu thêm phí nộp tiền mặt 0.01%, Tối thiểu 10.000 VND, Tối đa 1.000.000 VND cho số tiền được chuyển ra ngoài hệ thống như trường hợp nộp tiền mặt)		
1.2.3	Khách hàng chuyển bằng tiền mặt				
1.2.3.1	Giá trị thấp (các món dưới 500 triệu đồng và không thuộc trường hợp Giá trị cao dưới đây)	GDCT03009DN	0,035%	24.000 VND	190.000 VND
1.2.3.2	Giá trị cao				
a	Trước 15h15p (các món từ 500 triệu đồng trở lên hoặc các món Khách hàng yêu cầu chuyển giá trị cao)	GDCT03010DN	0,045%	28.000 VND	1.550.000 VND
b	Sau 15h15p	GDCT03011DN	0,06%	28.000 VND	1.550.000 VND
1.3	Chuyển tiền ủng hộ cho các tổ chức nhân đạo	GDCT03012DN	Miễn Phí		
2	Chuyển tiền đi bằng Ngoại tệ				
2.1	Chuyển khoản cho người hưởng cùng hệ thống BAOVIET Bank	GDCT03013DN	3 USD/ giao dịch		
2.2	Chuyển khoản cho người hưởng khác hệ thống BAOVIET Bank	GDCT03014DN	0,05%	5 USD	100 USD
3	Trích chuyển tiền định kỳ	GDCT03015DN	10.000 VND/món + phí chuyển tiền tương ứng		
4	Chuyên tiền theo lô (áp dụng đối với lô từ 10 món trở lên)				
4.1	Với các KH ký hợp đồng với BVB	GDCT03016DN	Áp dụng mức phí thỏa thuận trong hợp đồng, tối thiểu 3.000 VND/món		
4.2	Với các KH không ký hợp đồng với BVB				
4.2.1	Với các món chuyển trong hệ thống	GDCT03017DN	5.000 VND/món		
4.2.2	Với các món chuyển ngoài hệ thống		Áp dụng mức phí như các món chuyển tiền thông thường		
II	NHẬN CHUYỂN ĐẾN				
1	Ghi Có vào tài khoản người thụ hưởng tại BAOVIET Bank	GDCT03018DN	Miễn phí		
2	Thực hiện yêu cầu của người gửi, chi trả tiền mặt cho người hưởng (Phí nhận tiền mặt bằng CMT/HC)				
2.1	Nguồn tiền chuyển đến từ BAOVIET Bank	GDCT03019DN	0,01%	10.000 VND	
2.2	Nguồn tiền chuyển đến từ ngân hàng khác	GDCT03020DN	0,02%	10.000 VND	
III	TRA SOÁT (Nếu tra soát phát sinh do ngân hàng thì không thu phí của KH)				
1	Tra soát/ điều chỉnh lệnh chuyển tiền đi				

1.1	Với tài khoản VND	GDCT03021DN	20.000VND/ món		
1.2	Với tài khoản USD	GDCT03022DN	3 USD/món		
2	Tra soát món tiền chuyển đến từ trong nước (Khách hàng làm cam kết)				
2.1	Với tài khoản VND	GDCT03023DN	20.000VND/ món		
2.2	Với tài khoản USD	GDCT03024DN	3 USD/món		
B.2	DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN NƯỚC NGOÀI				
STT	DỊCH VỤ	BIỂU PHÍ CHƯA BAO GỒM VAT			
		CODE PHÍ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
I	CHUYỂN TIỀN ĐI				
1	Phí chuyển tiền của BAOVIET Bank	GDCT03025DN	0,20%	5 USD	300 USD
2	Phí ngân hàng nước ngoài do người chuyển chịu (OUR)				
2.1	Chuyển bằng USD	GDCT03026DN	Thu theo hướng dẫn của Trung tâm thanh toán trong từng thời kỳ		
2.2	Chuyển bằng EUR	GDCT03027DN			
2.3	Chuyển bằng JPY	GDCT03028DN			
2.4	Chuyển bằng ngoại tệ khác	GDCT03029DN			
3	Điện phí	GDCT03030DN	5 USD/giao dịch		
4	Tra soát/ điều chỉnh lệnh chuyển tiền	GDCT03031DN	10USD/món + phí thu hộ ngân hàng khác (nếu có)		
5	Hủy lệnh chuyển tiền	GDCT03032DN	10USD/món + phí thu hộ ngân hàng khác (nếu có)		
6	Phí điều chỉnh lùi ngày giá trị (back value)	GDCT03033DN	10USD/món + phí thực tế phát sinh		
II	CHUYỂN TIỀN ĐẾN (Phí thu của người thụ hưởng)				
1	Phí báo Có	GDCT03034DN	0,05%	2 USD	200 USD
2	Phí báo Có (trường hợp chuyển tiếp từ Ngân hàng khác trong nước)				
2.1	Với trường hợp chuyển qua VCB	GDCT03035DN	0,05%	2 USD	200 USD
2.2	Với trường hợp chuyển qua BIDV				
2.2.1	Với món tiền < 200.000 USD	GDCT03036DN	0,01%	10 USD	100 USD
2.2.2	Với món tiền ≥ 200.000 USD	GDCT03037DN	100 USD/món		
3	Thực hiện yêu cầu của người gửi, chi trả tiền mặt cho người hưởng (Phí nhận tiền mặt bằng CMT/HC)				
3.1	Nhận bằng USD	GDCT03038DN	0,20%	2 USD	
3.2	Nhận bằng EUR	GDCT03039DN	0,35%	3 EUR	

4	Nếu Khách hàng bán ngoại tệ cho Ngân hàng và lấy VND (áp dụng tỷ giá mua chuyển khoản hiện hành)	GDCT03040DN	Miễn phí		
5	Hoàn trả lệnh chuyển tiền	GDCT03041DN	10 USD		
6	Tra soát	GDCT03042DN	Miễn phí tra soát+ phí thu hộ Ngân hàng khác (nếu có)+ 5 USD nếu khách hàng làm cam kết		